TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST.
Ngày 05 - 8 - 2022.
V/v:“ ly hôn, nuôi con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Xuyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Tuyết Thanh và bà Trần Thị Hoa.

***Thư ký phiên toà*:** Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022, về tranh chấp kiện ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:** Anh Đan Thái D, sinh năm 1983.

Địa chỉ: số 3, nghách 172/1 đường NT, phường NC, quận TX, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Chị Đỗ Như Q, sinh năm 1985.

Địa chỉ: số nhà 67, đường THĐ, tổ 2, phường THĐ, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Anh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Q vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Đan Thái D trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Đỗ Như Q có đăng ký kết hôn vào ngày 24/5/2004 tại Ủy ban nhân dân xã LC (nay là phường LC), thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam là do hai bên tự nguyện sau thời gian tìm hiểu nhau được 01 năm. Việc kết hôn cũng được gia đình hai bên cho tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng anh chủ yếu sống ở số nhà 67, tổ 2, phường THĐ tại nhà bố đẻ chị Q. Đến năm 2015, do công việc và có một số vấn đề riêng, anh đã chuyển lên thành phố Hà Nội sinh sống nên vợ chồng anh phải sống xa nhau. Quá trình chung sống đến năm 2020 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ

chồng không còn hợp nhau về cách sống, quan điểm sống. Chính vì vậy, vợ chồng anh đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay và hai bên không quan tâm đến cuộc sống của nhau, chấm dứt quan hệ tình cảm từ đó. Nay anh Đan Thái D xác định tình cảm dành cho chị Q không còn và những mâu thuẫn giữa vợ chồng anh đã rất trầm trọng không thể duy trì mối quan hệ hôn nhân được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đỗ Như Q.

* Bị đơn chị Đỗ Như Q trình bày: Về thời gian, địa điểm, điều kiện, thủ tục kết hôn, thời gian chung sống và thời gian vợ chồng sống ly thân như anh D đã khai. Còn về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng chị là do anh D có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và có vướng mắc một số vấn đề khác nên không quan tâm đến vợ con, gia đình. Bản thân chị cũng xác định tình cảm vợ chồng chị không còn dành cho nhau nhưng vì còn có vướng mắc một số vấn đề nợ nần, con cái nên hiện tại trước yêu cầu xin ly hôn của anh D chị không đồng ý ly hôn. Vì vậy, chị mong Tòa án giúp đỡ xem xét cho chị một thời gian nữa.

- Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là cháu Đan Văn K, sinh ngày 31/12/2004 (con trai) và cháu Đan Tuệ A, sinh ngày 06/6/2008 (con gái). Từ khi anh D chuyển đi Hà Nội ở thì các cháu chủ yếu do chị Q nuôi dưỡng, chăm sóc, còn anh D cũng có trách nhiệm lo kinh tế nuôi các cháu cùng chị Q. Vì vậy, khi ly hôn anh D đề nghị giao các con chung cho chị Q nuôi dưỡng và chị Q cũng xin nuôi cả 02 con chung. Còn anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị Q mỗi tháng cho mỗi cháu là 1.500.000đ cho đến khi các cháu Đan Văn K, Đan Tuệ A trưởng thành.

Con riêng, con nuôi: Vợ chồng không có nên anh không đề nghị giải quyết. Hiện chị Q không có thai nghén gì.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Vợ chồng tự giải quyết không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Nguyện vọng của các cháu Đan Văn K, Đan Tuệ A: Khi bố mẹ ly hôn thì các cháu đều muốn ở với mẹ cháu là chị Đỗ Như Q.

* Quan điểm của đại diện Ủy ban nhân dân phường THĐ: Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi dưỡng con chung giữa anh D và chị Q theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cụ thể chị Q vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của anh Đan Thái D.

- Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Đan Thái D và chị Đỗ Như Q.

- Về con chung: Giao chị Đỗ Như Q được nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Đan Văn K, sinh ngày 31/12/2004 (con trai) và cháu Đan Tuệ A, sinh ngày 06/6/2008 (con gái). Anh Đan Thái D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đỗ Như Q mỗi tháng cho mỗi cháu là 1.500.000đ, cho đến khi các cháu Đan Văn K, Đan Tuệ A trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về án phí: Anh Đan Thái D phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Đỗ Như Q có nơi cư trú tại tổ 2, phường THĐ, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung" giữa anh Đan Thái D và chị Đỗ Như Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Bị đơn chị Đỗ Như Q vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nhưng trước đó chị Q cũng đã vắng mặt tại phiên tòa ngày 20/7/2022 không có lý do; nguyên đơn anh Đan Thái D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên việc xét xử vắng mặt anh Đan Thái D và chị Đỗ Như Q tại phiên tòa được thực hiện theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh Đan Thái D và chị Đỗ Như Q có đăng ký kết hôn vào ngày 24/5/2004 tại Ủy ban nhân dân xã LC (nay là phường LC), thành phố PL, tỉnh

Hà Nam là hoàn toàn tự nguyện, thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Đan Thái D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh D, chị Q cũng có thời gian chung sống được khoảng gần 15 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn và thực tế vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn hai bên đưa ra khác nhau để bảo vệ quan điểm của mình nhưng việc vợ chồng anh chị có mâu thuẫn và tình cảm dành cho nhau không còn là có thật mà hai bên công khai thừa nhận. Quá trình giải quyết vụ án anh D kiên quyết xin ly hôn, còn chị Q không đồng ý ly hôn và chị mong muốn có thêm một thời gian nữa nhưng chị đều vắng mặt tại phiên họp hòa giải, tại phiên tòa không có lý do và chị cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó, chứng tỏ vợ chồng anh chị không còn đồng cảm về cách nghĩ và không muốn níu kéo mối quan hệ hôn nhân với nhau nữa. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn là cần thiết nên chấp nhận nguyện vọng của anh D là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đan Văn K, sinh ngày 31/12/2004 (con trai) và cháu Đan Tuệ A, sinh ngày 06/6/2008 (con gái). Xét nguyện vọng muốn được nuôi cả 02 con chung của chị Q, quan điểm của anh D và nguyện vọng của cháu Đan Văn K, Đan Tuệ A. Hội đồng xét xử thấy, thực tế từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân đến nay, việc nuôi dưỡng các cháu Đan Văn K, Đan Tuệ A do chị Q đảm nhiệm. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định của các con chung của vợ chồng anh chị, cần giao cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Đan Văn K, Đan Tuệ A. Còn anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q mỗi tháng cho mỗi cháu là 1.500.000đ cho đến khi các cháu Đan Văn K, Đan Tuệ A trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp thực tế và pháp luật theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Vợ chồng xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về công nợ chung: Vợ chồng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Anh D phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Xử ly hôn giữa: Anh Đan Thái D và chị Đỗ Như Q.

[2] Về con chung: Giao chị Đỗ Như Q được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung là cháu Đan Văn K, sinh ngày 31/12/2004 (con trai) và cháu Đan Tuệ A, sinh ngày 06/6/2008 (con gái). Anh Đan Thái D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đỗ Như Q mỗi tháng cho mỗi cháu là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi các cháu Đan Văn K, Đan Tuệ A trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom , chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về án phí:

+ Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đan Thái D phải nộp là 300.000đ.

+ Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Đan Thái D phải nộp 300.000đ.

Anh Đán Thái D phải nộp tổng cộng là 600.000đ, được đối trừ với 300.000đ mà anh D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0000363 ngày 25/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Anh D còn phải nộp tiếp 300.000đ.

Về quyền kháng cáo: Anh D, chị Q vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND phường Liêm Chính, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuyên